ỦY BAN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG HƯNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 4771/QĐ-UBND	*Đông Hưng, ngày 20 tháng 6 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán khảo sát , nhiệm vụ và dự toán lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư Đông Các, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HƯNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017;

Căn cứ Luật xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng;

Căn cứ Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2021/BXD, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng Thông tư quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 31/2021/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của UBND tỉnh về ban hành quy định phân cấp, phân công Quản lý hoạt động đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Bình; Quyết định số 25/2023/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 của UBND tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp, phân công Quản lý hoạt động đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Bình ban hành kèm theo Quyết định số 31/2021/QĐ-UBND ngày 29/12/2021;

Căn cứ Quyết định số 1510/QĐ-UBND ngày 14/7/2023 của UBND tỉnh Thái Bình về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chung mở rộng Thị trấn Đông Hưng, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình đến năm 2035;

Căn cứ Quyết định số 2003/QĐ-UBND ngày 26/3/2025 về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư lập đồ án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư Đông Các, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình ;

Căn cứ Quyết định số 2852/QĐ-UBND ngày 15/4/2025 của UBND huyện Đông Hưng về việc phân bổ nguồn vốn sự nghiệp thực hiện lập Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư Đông Các, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình;

Căn cứ Quyết định số 35/QĐ-KTHTĐT ngày 15/4/2025 của Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị huyện Đông Hưng về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 01: Tư vấn lập nhiệm vụ khảo sát, lập nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư Đông Các, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình;

Căn cứ báo cáo số 20/BC-UBND ngày 26/5/2025 của UBND xã Đông Các về việc tổng hợp kết quả lấy ý kiến của tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư có liên quan về Nhiệm vụ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư Đông Các, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình;

Căn cứ Công văn số 1768/SXD-QH &PTĐT ngày 13/6/2025 của Sở Xây dựng Thái Bình về việc Nhiệm vụ quy hoạch chi tiết Khu dân cư Đông Các, huyện Đông Hưng;

Căn cứ hồ sơ Nhiệm vụ, dự toán khảo sát, lập Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư Đông Các, xã Đông Các, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình do Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Green World lập.

Căn cứ Nghị quyết 60-NQ/TW ngày 12/4/2025, Nghị quyết Hội nghị lần thứ 11 Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII;

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị tại thông báo thẩm định số 315/TB-KTHT ĐT ngày 17/6/2025 về việc thông báo kết quả thẩm định nhiệm vụ và dự toán khảo sát, nhiệm vụ và dự toán lập Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư Đông Các, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Nhiệm vụ, dự toán khảo sát, lập Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư Đông Các, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình với nội dung chủ yếu sau:

I/ Phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch chi tiết:

1. Tên đồ án: Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư Đông Các, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình

2. Phạm vi, ranh giới và quy mô lập quy hoạch:

- Phạm vi lập quy hoạch: Khu đất thuộc địa phận xã Đông Các, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

- Vị trí cụ thể như sau:

+ Phía Bắc: giáp kênh Tiên Hưng;

+ Phía Nam: giáp đất quy hoạch giao thông và đất thương mại dịch vụ (ô đất DV-23 theo quy hoạch chung Thị trấn Đông Hưng mở rộng đến năm 2035);

+ Phía Đông: giáp đất quy hoạch giao thông và đất thương mại dịch vụ (ô đất DV-25), đất nông nghiệp dự trữ (ô đất DT19 theo quy hoạch chung Thị trấn Đông Hưng mở rộng đến năm 2035);

+ Phía Tây: giáp đất giao thông (tuyến tránh Quốc lộ 10).

- Quy mô diện tích lập quy hoạch: 16,6ha.

Trong đó:

Diện tích đất dự kiến lập quy hoạch khoảng: 12,4ha;

Diện tích đất nghiên cứu mở rộng (ảnh hưởng) khoảng 4,2ha.

- Quy mô dân số dự kiến: khoảng 3.000 người.

3. Mục tiêu và tính chất khu vực lập quy hoạch.

** Mục tiêu quy hoạch:*

- Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư Đông Các, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình là cơ sở để hình thành, triển khai một khu dân cư mới văn minh, hiện đại, đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, góp phần tạo dựng không gian, cảnh quan khu vực ;

- Tạo quỹ đất phù hợp với nhu cầu đất ở, đất công trình công cộng hiện nay tại địa phương;

- Là cơ sở cho công tác quản lý xây dựng theo quy hoạch, quản lý đất đai và đầu tư xây dựng theo quy hoạch được duyệt, lập dự án đầu tư xây dựng.

** Tính chất:*

Là khu vực phát triển hệ thống công trình nhà ở phục vụ hoạt động sinh hoạt của dân cư đô thị, cụ thể:

+ Bố trí, tạo quỹ đất phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội cho xã Đông Các và các xã lân cận trên địa bàn.

+ Tổ chức hệ thống công trình nhà ở kết hợp không gian cây xanh, công cộng nhằm khai thác hiệu quả giá trị kinh tế khu vực quy hoạch đồng thời kiến tạo không gian sống hiện đại, thân thiện phục vụ dân cư sinh sống.

+ Bổ sung các chức năng cần thiết theo quy định: Công trình đầu mối HTKT.

4. Một số chỉ tiêu cơ bản dự kiến về sử dụng đất, hạ tầng kỹ thuật

Căn cứ Quy chuẩn QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng và các quy định chuyên ngành khác.

** Chỉ tiêu sử dụng đất*

- Đất ở: 25 m^2/người
- Đất cây xanh sử dụng công cộng: 2 m^2/người
- Đất giao thông, hạ tầng kỹ thuật: 5 m^2/người

** Chỉ tiêu hạ tầng*

- Giao thông: Tỷ lệ đất giao thông ≥ 18% tổng diện tích toàn khu, bề rộng mặt đường từ 7,5m đến 10,5m, bề rộng vỉa hè trung bình >=4,0m.
- Cấp nước: 100% đối tượng được cấp nước, chỉ tiêu 80 lít/người/ngđ.
- Cấp điện: chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt ≥ 200 W/người.
- Thoát nước: Nước thải phát sinh ≥ 80% lượng nước cấp.
- Rác thải: Thu gom 100%, chất thải rắn phát sinh 0,8kg/người/ngđ.

5. Hiện trạng khu đất quy hoạch: Hiện trạng khu vực dự án chủ yếu là đất nông nghiệp canh tác trồng lúa, trồng mầu cùng với ao, mương nội đồng có địa hình tương đối bằng phẳng nhưng trũng thấp hơn so với địa hình chung của xã.

6. Nhiệm vụ chủ yếu của đồ án quy hoạch :

Điều tra khảo sát và thu thập các số liệu liên quan trong khu vực nghiên cứu lập quy hoạch.

Khảo sát, đo đạc hiện trạng khu vực làm cơ sở lập quy hoạch chi tiết xây dựng.

Đánh giá tổng thể về hiện trạng tự nhiên, đất đai, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, kiến trúc cảnh quan, môi trường, dân cư trong khu vực nghiên cứu và khu vực lân cận, đề xuất phương án quy hoạch cụ thể, tạo cơ sở phát triển cho kinh tế, xã hội của địa phương.

Xác định danh mục các dự án đầu tư giai đoạn đầu về hạ tầng kỹ thuật và các danh mục công trình xây dựng.

Lập quy định quản lý theo đồ án quy hoạch được phê duyệt.

7. Định hướng quy hoạch

7.1. Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất

Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất cho từng khu chức năng, thể hiện rõ chức năng và chỉ tiêu sử dụng đất của từng lô đất.

7.2. Quy hoạch không gian kiến trúc

Xác định nguyên tắc, yêu cầu tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan đối với từng khu chức năng, trục đường chính, không gian mở, điểm nhấn.

7.3. Chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng

- Khảo sát, lập phương án thoát nước cho khu vực, tính toán khả năng thoát nước khi thực hiện san lấp các đường kênh, mương nội đồng trên khu đất hiện tại. Trong đó điều tra, thu thập các tài liệu quy hoạch, dự án liên quan để tính toán lập phương án thoát nước.

- Xác định cao độ nền xây dựng phù hợp với thủy văn của khu vực, bám sát địa hình tự nhiên, hạn chế tối đa việc san gạt, đào đắp. Đề xuất các giải pháp về thoát nước mưa bao gồm lưu vực, hướng thoát, mạng lưới thoát, công trình đầu mối phù hợp với định hướng của các quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

7.4. Quy hoạch giao thông

- Xác định mạng lưới giao thông, mặt cắt ngang, chỉ giới đường đỏ và chỉ giới xây dựng.

- Quy hoạch hệ thống giao thông gắn kết với quy hoạch không gian, kiến trúc cảnh quan.

- Đường giao thông đối nội trong khu quy hoạch được áp dụng theo: QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng; QCVN 07-4:2023/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật – công trình giao thông.

- Xác định cao độ khống chế tại các nút giao làm cơ sở xác định cao độ san nền, hạ tầng kỹ thuật nội bộ.

7.5. Quy hoạch cấp nước

- Xác định nguồn nước cho khu dân cư trên cơ sở các nguồn hiện nay và lâu dài nhằm đảm bảo yêu cầu cấp nước kịp thời khi xây dựng khu dân cư, đảm bảo giảm chi phí đầu tư xây dựng.

- Xác định vị trí, quy mô các công trình đầu mối, mạng lưới đường cống cấp nước và các thông số kỹ thuật chủ yếu, đề xuất các giải pháp bảo vệ nguồn nước mặt.

- Tuân thủ QCVN 01:2021/BXD- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng, QCVN 07-1:2023/BXD - Quy chuẩn quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật.

7.6. Quy hoạch cấp điện

- Xác định nguồn điện, công suất, nhu cầu phụ tải, vị trí, quy mô nhà máy cấp điện, các trạm biến áp, các hành lang tải điện, mạng phân phối và các thông số kỹ thuật, phù hợp với các định hướng phát triển nguồn điện lưới của khu vực.

- Tuân thủ QCVN 01:2021/BXD- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng, QCVN 07-1:2023/BXD - Quy chuẩn quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật – công trình cấp điện.

7.7. Quy hoạch thoát nước thải và vệ sinh môi trường

- Tuân thủ QCVN 01:2021/BXD- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng, QCVN 07-2:2023/BXD Quy chuẩn quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật – công trình thoát nước và QCVN 07-9:2023/BXD Quy chuẩn quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật – công trình quản lý chất thải rắn và nhà vệ sinh công cộng.

- Xác định phương án xử lý nước thải phù hợp; xác định vị trí, quy mô các trạm xử lý nước thải, công trình xử lý chất thải rắn; đưa ra các giải pháp cho mạng lưới thoát nước chính và các giải pháp bảo vệ môi trường.

- Ưu tiên nghiên cứu theo phương án hệ thống cống thoát nước thải, nước mưa đi riêng.

- Thu gom chất thải rắn: Bố trí các thùng đựng rác trên tuyến đường, nơi công cộng. Có điểm tập kết chất thải rắn nhằm tiếp nhận và vận chuyển hết khối lượng chất thải rắn trong phạm vi bán kính thu gom, đến khu xử lý rác tập trung trong ngày.

7.8. Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc

Xác định công trình đầu mối và mạng thông tin liên lạc; quy mô, vị trí các trạm, các mạng truyền dẫn di động một cách hợp lý có tính khả thi cho khu dân cư.

Đường dây thông tin liên lạc đi ngầm trong tuynel kỹ thuật, không sử dụng cột để đi đường dây làm mất mỹ quan khu dân cư và được thiết kế đưa đến từng công trình.

8. Hồ sơ sản phẩm quy hoạch: Thành phần và nội dung hồ sơ đồ án quy hoạch chi tiết được thực hiện theo quy định tại Điều 12, Thông tư 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng, Thông tư quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

Stt	Thành phần hồ sơ	Tỷ lệ bản vẽ	Số lượng
1	Sơ đồ vị trí và ranh giới khu vực lập quy hoạch	1/2.000	07 bộ
2	Bản đồ hiện trạng tổng hợp	1/500	07 bộ

Stt	Thành phần hồ sơ	Tỷ lệ bản vẽ	Số lượng
3	Bản đồ đánh giá hiện trạng kiến trúc cảnh quan và đánh giá đất xây dựng ; Bản đồ đánh giá hiện trạng hạ tầng kỹ thuật và môi trường.	1/500	07 bộ
4	Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất:	1/500	07 bộ
5	Bản đồ tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan:	1/500	07 bộ
6	Bản đồ quy hoạch hệ thống giao thông, chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng và hành lang bảo vệ các tuyến hạ tầng kỹ thuật	1/500	07 bộ
7	Các bản đồ quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật và môi trường: Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật, cấp nước, cấp điện, thoát nước mưa, thoát nước thải và VSMT.	1/500	07 bộ
8	Bản đồ thiết kế đô thị theo TT06/2013/TT-BXD	1/500	07 bộ
9	Bản đồ tổng hợp đường dây, đường ống kỹ thuật	1/500	07 bộ
10	Báo cáo tổng hợp gồm: Thuyết minh, các văn bản pháp lý có liên quan, tờ trình phê duyệt, dự thảo quy định quản lý theo đồ án quy hoạch	1/500	07 bộ
11	Dữ liệu số (cung cấp đầy đủ bằng bản vẽ chuẩn) khi trình thẩm định và sau khi quy hoạch được phê duyệt	02 CD	

9. Tiến độ thực hiện:

- Thời gian thực hiện: Hoàn thành quy hoạch trong thời gian không quá 06 tháng kể từ khi nhiệm vụ đồ án quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

10. Tổ chức thực hiện:

- Cơ quan tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch: theo quy định pháp luật hiện hành.

- Đơn vị tư vấn lập nhiệm vụ và dự toán khảo sát, lập nhiệm vụ và dự toán quy hoạch: Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Green World.

- Đơn vị tư vấn khảo sát, tư vấn lập đồ án quy hoạch: Lựa chọn nhà thầu theo quy định.

- Cơ quan thoả thuận quy hoạch: Sở Xây dựng và các đơn vị liên quan.

II/ Phê duyệt nhiệm vụ khảo sát địa hình:

1. Mục đích khảo sát

Làm cơ sở để tiến hành lập Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 chỉnh trang các khối nội thị.

2.Nội dung khảo sát

- Thu thập các tài liệu kinh tế, xã hội, điều kiện dân sinh trong khu vực quy hoạch xây dựng, khảo sát đo đạc thu thập tọa độ, cao độ trên thực địa để lựa chọn phương án, quy mô quy hoạch tối ưu đủ cơ sở để đưa ra các giải pháp thiết kế hợp lý cho đồ án quy hoạch.

- Cung cấp số liệu tọa độ, cao độ (cao độ hiện trạng), bản vẽ khảo sát địa hình tỷ lệ 1/500 để phục vụ cho việc thiết kế và tính khối lượng.

- Xác định rõ địa hình, địa vật, ranh giới của công trình xây dựng mới và các công trình kế cận trong khu vực đồ án.

- Xây dựng các điểm khống chế cơ sở về tọa độ và cao độ, theo hệ thống tọa độ Quốc gia phục vụ đo vẽ chi tiết bình đồ địa hình.

- Sau khi hoàn thành công tác đo đạc ngoài hiện trường, tiến hành lập bình đồ địa hình tỷ lệ 1/500 làm tài liệu cơ bản để phục vụ cho việc tính toán, đưa ra các giải pháp quy hoạch phù hợp; làm cơ sở để tính toán thiết kế quy hoạch.

3. Phạm vi, ranh giới khảo sát địa hình

Theo phạm vi nhiệm vụ quy hoạch chi tiết đề ra, có bổ sung khảo sát khu vực lân cận nhằm kết nối các khu vực.

4. Yêu cầu về việc áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về khảo sát

- Quyết định số 83/2000/QĐ-TTg ngày 12/7/2000 của Thủ tướng Chính phủ quy định về hệ quy chiếu và hệ tọa độ Quốc gia Việt Nam;

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 04:2009/BTNMT về xây dựng lưới tọa độ;

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 11:2008/BTNMT về xây dựng lưới độ cao;

- Quy phạm đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500 đến 1/5000 phần ngoài trời của Cục Đo đạc và bản đồ Nhà nước (96 TCN 43-90);

- Quy phạm đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500 đến 1/25.000 phần trong nhà của Cục Đo đạc và bản đồ Nhà nước (96 TCN 42-90);

- Ký hiệu bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500 đến 1/5000 của Cục Đo đạc và bản đồ Nhà nước (96 TCN 31-91);

- Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam TCXDVN 309: 2004 về công tác trắc địa trong xây dựng công trình - yêu cầu chung;

- Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 9401:2012 về kỹ thuật đo và xử lý số liệu GPS trong trắc địa công trình.

5. Sơ bộ khối lượng các loại công tác khảo sát:

STT	Mã số	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng
1	CF.11220	Công tác đo lưới khống chế mặt bằng, đường chuyền hạng 4, Bộ thiết bị GPS (3 máy), cấp địa hình II	điểm	2,0
2	CF.11620	Công tác đo lưới khống chế mặt bằng, đường chuyền cấp II, Bộ thiết bị GPS (3 máy), cấp địa hình II	điểm	3,0
3	CG.11320	Công tác đo khống chế cao, thủy chuẩn kỹ thuật, cấp địa hình II	km	2,0
4	CK.11420	Đo vẽ chi tiết bản đồ địa hình trên cạn bằng máy toàn đạc điện tử và máy thủy bình điện tử; bản đồ tỷ lệ 1/500, đường đồng mức 1m, cấp địa hình II	1 ha	18,205

6. Chi phí khảo sát: Theo bảng giá trị dự toán các chi phí khảo sát, chi phí quy hoạch được duyệt.

7. Nguồn vốn: Vốn ngân sách Nhà nước.

8. Tiến độ thực hiện: 30 ngày (kể từ ngày ký kết hợp đồng và không bao gồm thời gian chờ thẩm định, phê duyệt).

III/ Dự toán chi phí khảo sát, lập quy hoạch: 517.664.000 đồng.

Bằng chữ: Năm trăm mười bảy triệu, sáu trăm sáu mươi tư nghìn đồng./.

Trong đó: *Đơn vị tính: VND*

STT	Khoản mục chi phí	Thành tiền trước thuế	Thuế	Thành tiền sau thuế
I	**Quản lý dự án**	**38.774.000**	**-**	**38.774.000**
1	Chi phí quản lý nghiệp vụ đồ án quy hoạch	26.084.000		26.084.000
2	Chi phí tổ chức lấy ý kiến cộng đồng	5.076.000		5.076.000
3	Chi phí công bố đồ án quy hoạch	7.614.000		7.614.000
II	**Tư vấn**	**408.287.788**	**32.663.023**	**440.951.000**
1	Chi phí lập nhiệm vụ và dự toán Khảo sát, nhiệm vụ và dự toán lập quy hoạch chi tiết	42.340.741	3.387.259	45.728.000
2	Chi phí khảo sát địa hình	101.142.546	8.091.404	109.234.000
3	Chi phí tư vấn lập QHCTXD, tỷ lệ 1/500	253.804.502	20.304.360	274.109.000
4	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT	6.000.000	480.000	6.480.000
5	Chi phí thẩm định HSMT, thẩm định kết quả LCNT	5.000.000	400.000	5.400.000
III	**Chi phí khác**	**37.939.000**	**-**	**37.939.000**
1	Chi phí thẩm định nhiệm vụ quy hoạch	7.904.000		7.904.000
2	Chi phí thẩm định đồ án quy hoạch	30.035.000		30.035.000
	TỔNG CỘNG	**485.000.788**	**32.663.023**	**517.664.000**

Điều 2. Trên cơ sở nội dung Nhiệm vụ và dự toán khảo sát, lập quy hoạch được phê duyệt tại Điều 1, phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị huyện Đông Hưng tiến hành tổ chức lập, thực hiện quy hoạch đảm bảo theo đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn và trình tự thủ tục hiện hành của Nhà nước và của tỉnh Thái Bình.

Trong quá trình tổ chức sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị có trách nhiệm bàn giao việc tổ chức lập quy hoạch cho đơn vị quản lý theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND & UBND huyện, Trưởng phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị, Trưởng phòng Tài chính- Kế hoạch, Trưởng phòng Nông nghiệp & môi trường, Chủ tịch UBND xã Đông Các, Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Sở Xây dựng (theo dõi);
- Trang thông tin điện tử huyện (đăng tải);
- Lưu: VT, KTHTĐT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Trường